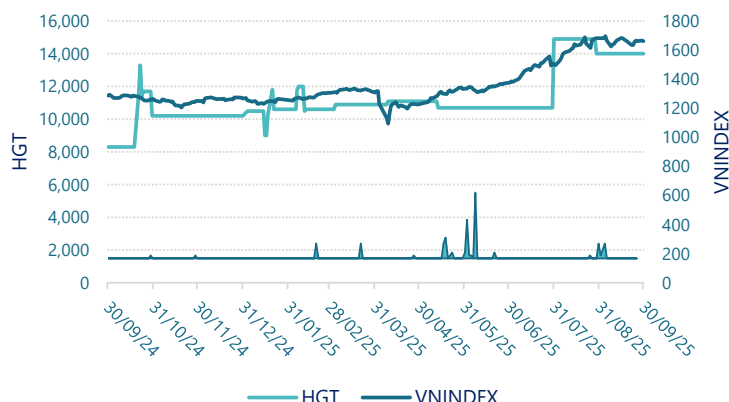


CTCP Du lịch Hương Giang (UPCOM: HGT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	49.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	280
P/E	-22.8
EPS	-614

DT thuần

Q3/25

6.94

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.26 | -31.9%

YoY: ▼8.06 | -53.7%

LN sau thuế

Q3/25

-4.69

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.43 | -1704%

YoY: ▼79.5 | -106%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-64.7%

+/- YoY: ▼ 578%

DT thuần

9T 2025

30.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.2 | -30.3%

LN sau thuế

9T 2025

-3.12

tỷ VNĐ

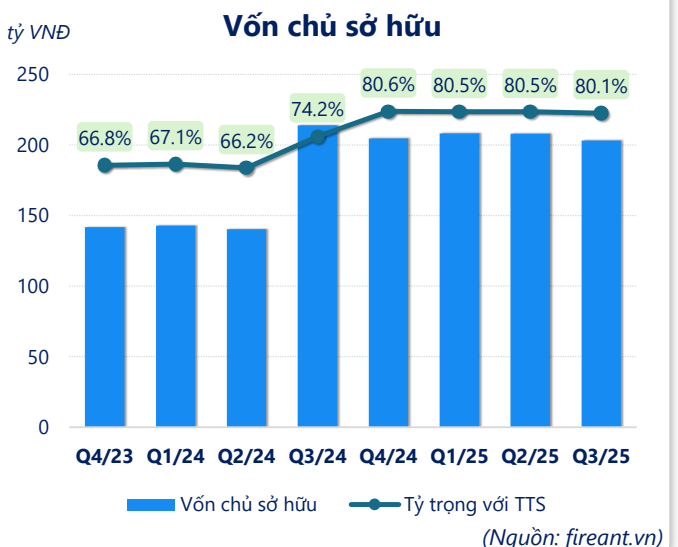
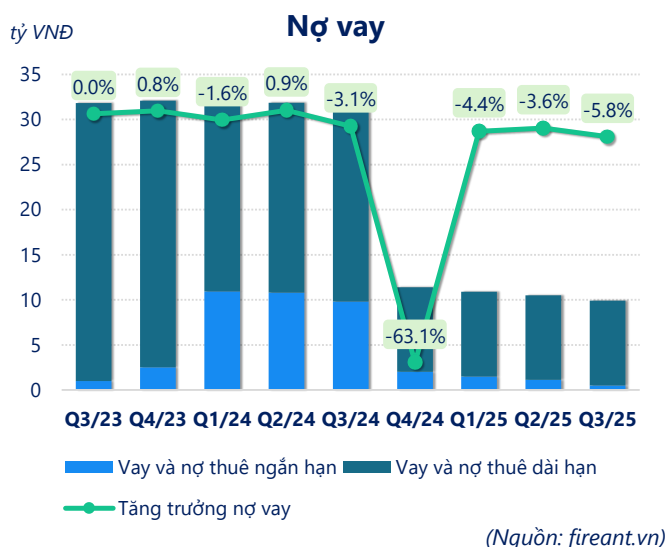
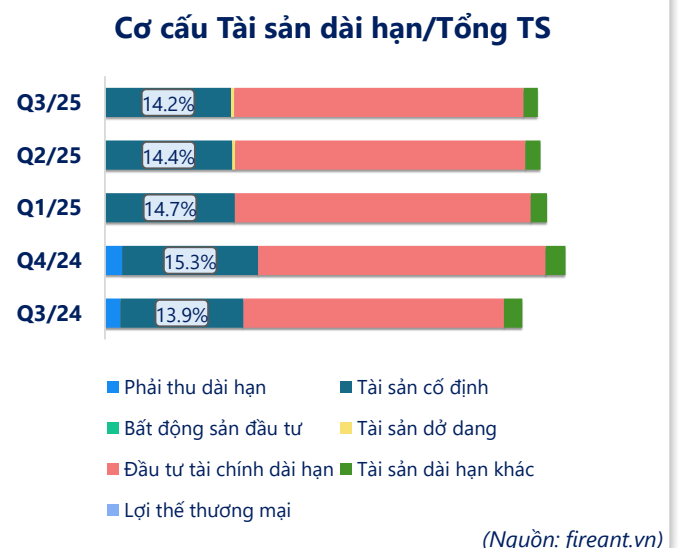
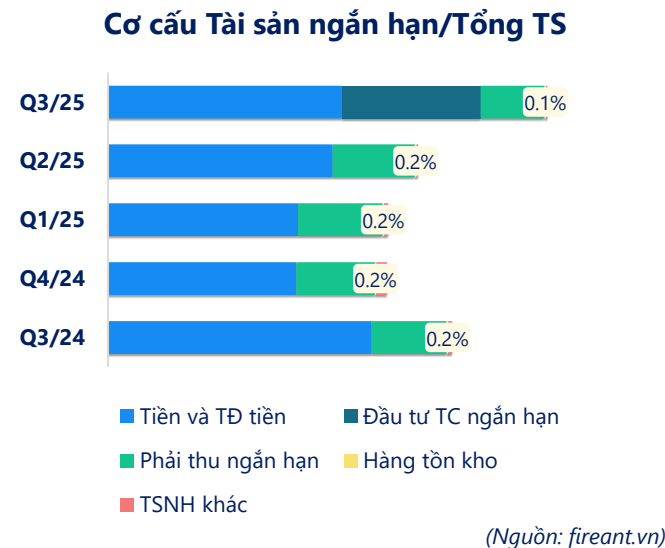
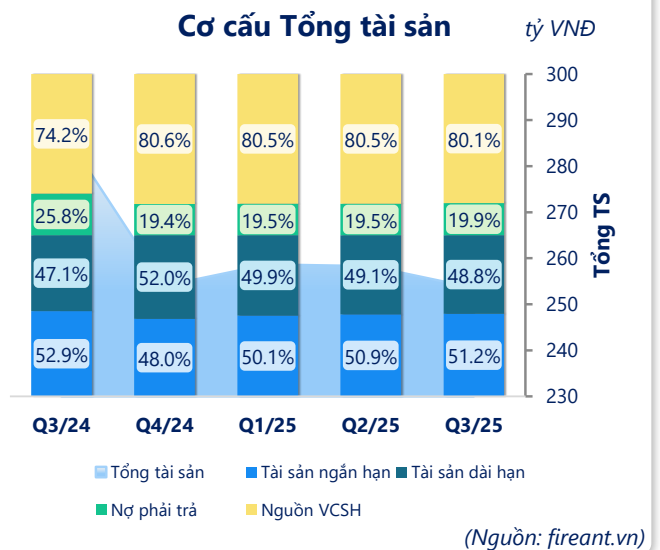
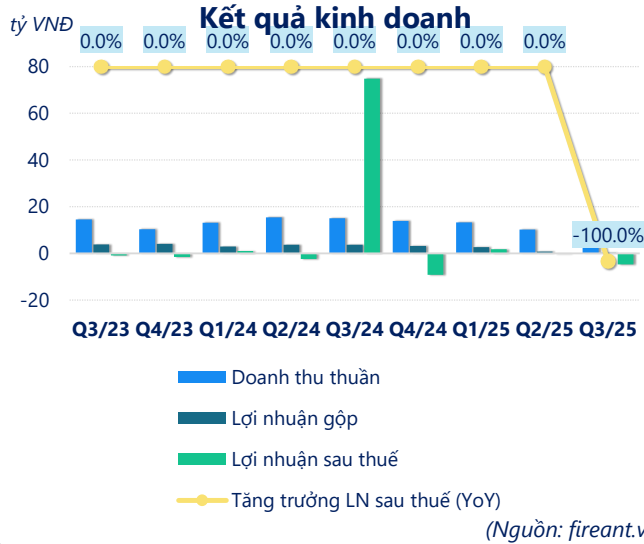
YoY: ▼76.5 | -104%

ROE

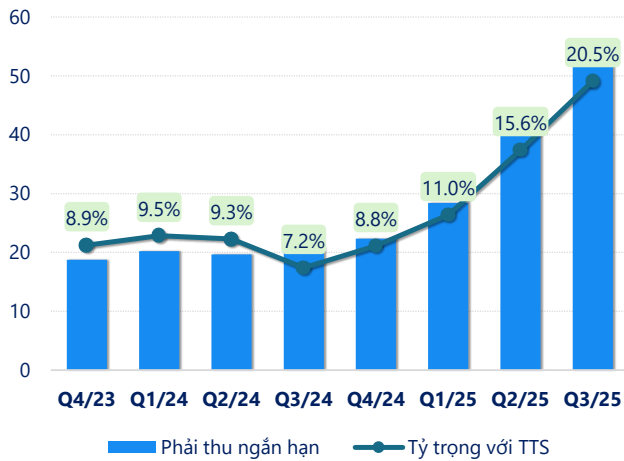
Q3/25

-5.9%

+/- YoY: ▼ 46.2%

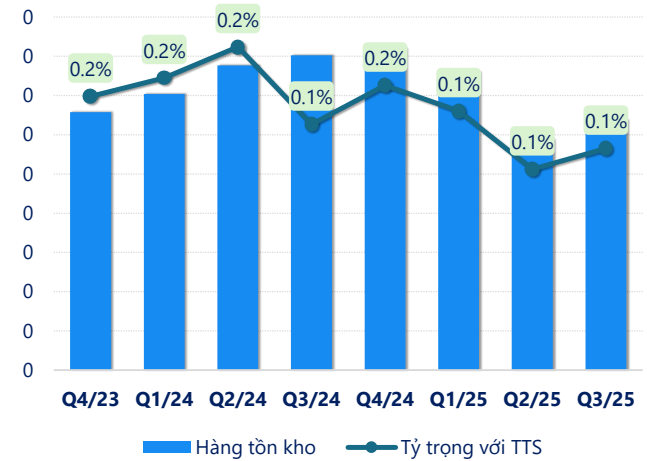


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


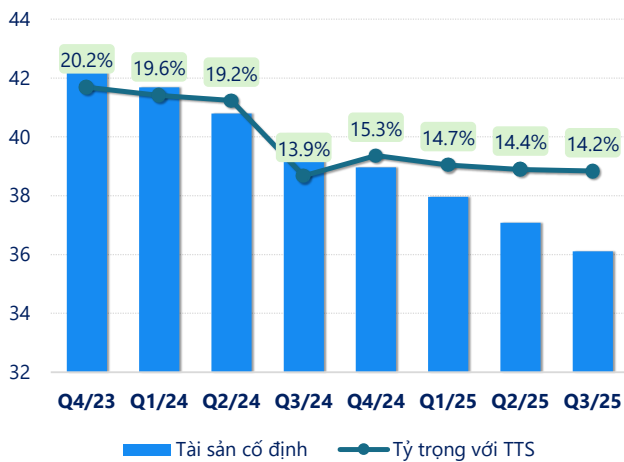
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


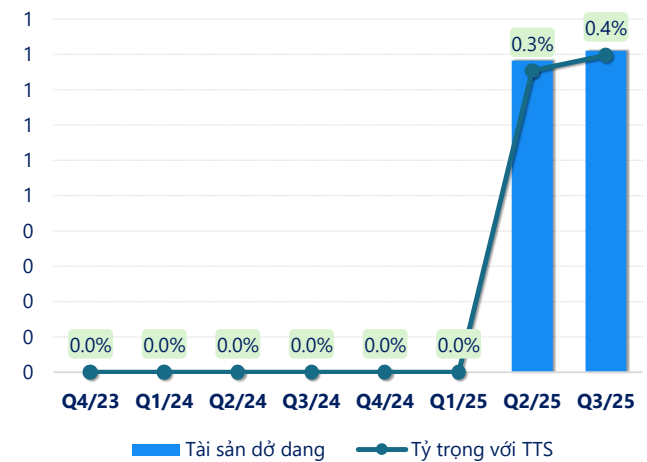
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

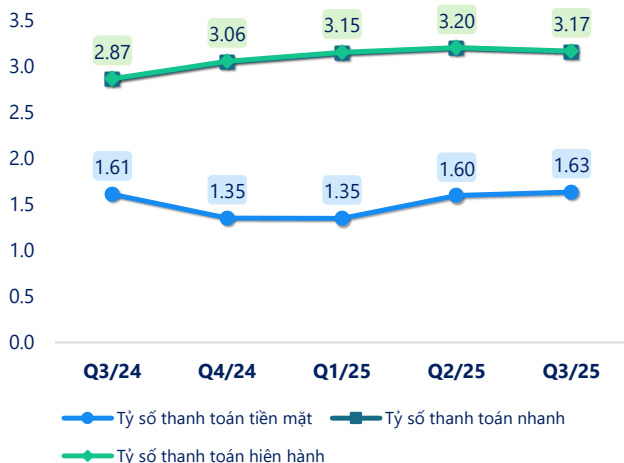
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

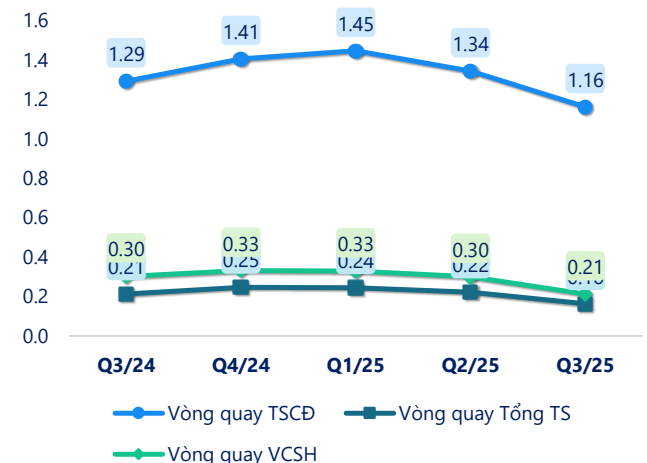
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	288	254	259	258	254
Tài sản ngắn hạn	152	122	130	131	130
Tiền và tương đương tiền	85.7	54.0	55.5	65.4	66.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	45.0	45.0	43.0	10.0
Phải thu ngắn hạn	20.9	22.3	28.4	40.3	51.9
Hàng tồn kho	0.40	0.41	0.38	0.29	0.32
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	0.30	0.38	0.36	0.52
Tài sản dài hạn	136	132	129	127	124
Phải thu dài hạn	4.95	4.95	0	0	0
Tài sản cố định	40.1	39.0	38.0	37.1	36.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.88	0.91
Đầu tư tài chính dài hạn	84.7	82.4	86.3	84.6	82.7
Tài sản dài hạn khác	5.99	5.67	4.78	4.41	4.13
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	74.3	49.3	50.5	50.4	50.3
Nợ ngắn hạn	53.2	39.9	41.1	41.0	40.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.80	2.00	1.50	1.11	0.50
Phải trả người bán ngắn hạn	1.29	1.05	1.70	0.56	0.92
Nợ dài hạn	21.1	9.39	9.39	9.39	9.39
Vay và nợ thuê dài hạn	21.1	9.39	9.39	9.39	9.39
Nguồn vốn chủ sở hữu	214	205	208	208	203
Vốn chủ sở hữu	214	205	208	208	203
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)